

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/DSST**.

Ngày: 18/10/2019.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Bùi Thị Luyến.

2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST – DS ngày 23/4/2019; về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 và thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 19/TB-TA, ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan N, sinh năm 1965;

Bà Nguyễn Thị Phi Y, sinh năm 1969;

Cùng trú địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh B.

(Đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1953;

Bà Ngô Thị B, sinh năm 1954;

Cùng trú địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

(Ông B vắng mặt, bà B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – vợ chồng ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y đều yêu cầu:

Theo đơn khởi kiện ban đầu, vợ chồng ông N, bà Y yêu cầu vợ chồng bà B, ông B phải trả số tiền mua lúa còn thiếu là 238.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, vợ chồng ông N, bà Y chỉ yêu cầu vợ chồng bà B, ông B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông N số tiền mua bán hàng hòa (lúa) còn thiếu là 213.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 12/2017 đến tháng 9/2019 trên số tiền gốc 213.900.000 đồng. Bởi vì: Vợ chồng ông N, bà Y chuyên thu mua lúa tại đồng ruộng, sau đó phơi sấy và bán lại cho những người thu mua khác, trong đó có vợ chồng bà B, ông B. Hai bên bắt đầu làm ăn với nhau từ khoảng tháng 7/2015. Ban đầu vợ chồng bà B, ông B mua xe nào trả tiền ngay xe đó; sau đó qua vài lần mua bán thì xin được nợ gói đầu và tính đến ngày 04/12/2017 hai bên tính toán xác định vợ chồng bà B, ông B còn thiếu số tiền mua lúa là 278.900.000 đồng, từ tháng 5/2018 vợ chồng bà B có trả được cho vợ chồng ông N số tiền 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 238.900.000 đồng chưa trả. Do nhiều lần yêu cầu trả tiền mua bán lúa còn thiếu nhưng vợ chồng bà B không thực hiện nên vợ chồng ông N mới khởi kiện tại Tòa án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì vợ chồng bà B có chuyển trả cho vợ chồng ông N qua tài khoản được 25.000.000 đồng, tính đến thời điểm mở phiên Tòa chỉ còn thiếu lại số tiền 213.900.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ vợ chồng ông N, bà Y cung cấp: Bản gốc giấy theo dõi tính toán chốt số tiền còn thiếu, bản gốc 01 sổ ghi theo dõi số lượng lúa và số tiền mua bán, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và bản tự khai.

Bị đơn - bà Ngô Thị B trình bày:

Vợ chồng bà B bắt đầu làm ăn, mua lúa của vợ chồng ông N từ khoảng năm 2015 đến nay. Quá trình mua bán với nhau, tính đến ngày 04/12/2017 còn thiếu vợ chồng ông N số tiền 278.900.000 đồng. Bà B công nhận chữ viết trong giấy tính nợ vợ chồng ông N cung cấp là của bà B. Sau đó trong năm 2018 có trả được cho vợ chồng ông N số tiền 40.000.000 đồng, còn thiếu lại 238.900.000 đồng nhưng do làm ăn không thuận lợi nên chưa có điều kiện để trả cho vợ chồng ông N. Khi vợ chồng ông N khởi kiện vợ chồng bà B tại Tòa án thì bà B có chuyển trả tiền mua lúa còn thiếu cho vợ chồng ông N hai lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, đến nay còn thiếu lại số tiền 213.900.000 đồng chưa trả. Bản thân bà B công nhận còn thiếu tiền mua lúa của vợ chồng ông N và đồng ý trả nhưng điều kiện kinh doanh khó khăn nên xin trả dần hàng tháng. Vợ chồng bà B hiện nay vẫn còn chung sống với nhau, cùng làm ăn chung và thu nhập được từ việc buôn bán nông sản sau khi trừ chi phí đầu tư kinh doanh cũng phục vụ chung cho gia đình chứ không sử dụng vào mục đích cá nhân của bà B.

Bà B cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai.

Bị đơn – ông Võ Văn B trình bày:

Ông B là chồng bà B. Việc mua bán lúa và quyết toán, nợ nần với nhau là do bà B với bà Y thực hiện chứ ông B không tham gia, cũng không biết và không liên quan đến số tiền mua bán lúa bà B còn thiếu vợ chồng ông B. Tuy nhiên, ông B công nhận có đôi lúc được bà B nhờ đem tiền xuống trả cho bà Y. Hiện nay ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N, bà Y đối với ông B; ông B không đồng ý cùng bà B liên đới trách nhiệm trả tiền nợ còn thiếu cho vợ chồng ông N, bà Y mà trách nhiệm trả nợ là do bà B.

Ông B cung cấp bản sao chứng minh nhân dân và bản tự khai.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn – ông Võ Văn B không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N, bà Y. Buộc vợ chồng ông Võ Văn B, bà Ngô Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông N, bà Y số tiền mua bán lúa còn thiếu là 213.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn trên số tiền gốc còn thiếu. Đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự cho vợ chồng ông B, bà B và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho vợ chồng ông N, bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên Tòa hôm nay, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – ông Võ Văn B vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (ông B) là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án*: Trong quá trình tố tụng các đương sự đều công nhận từ khoảng năm 2015 bên bị đơn có mua lúa của bên nguyên đơn; đến nay bên bị đơn còn thiếu lại một số tiền chưa trả nên bên nguyên đơn khởi kiện bên bị đơn tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền mua bán lúa còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 428 Bộ luật dân sự 2005.

[3] *Xét về việc thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn*: Theo đơn khởi kiện ban đầu ghi ngày 22/4/2019 gửi đến Tòa án, nguyên đơn – vợ chồng ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y khởi kiện đòi với bị đơn – vợ chồng bà Ngô Thị B, ông Võ Văn B; yêu cầu trả số tiền mua bán lúa còn thiếu là 238.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, vợ chồng ông N, bà Y chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà B, ông B phải tiếp tục có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông N, bà Y số tiền mua bán hàng hòa (lúa) còn thiếu là 213.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 12/2017 đến tháng 9/2019 trên số tiền gốc 213.900.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Y không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn – vợ chồng ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà Ngô Thị B, ông Võ Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông N, bà Y số tiền mua bán lúa còn thiếu là **213.900.000 đồng** và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 12/2017 đến tháng 9/2019, trên số tiền gốc 213.900.000 đồng, tương ứng với số tiền là **33.689.000 đồng** ($213.900.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng}$); phương thức trả dứt điểm một lần chứ không chấp nhận cho trả dần như trong thời gian Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án. Về phía bị đơn – bà Ngô Thị B cũng công nhận hiện nay còn thiếu vợ chồng ông N, bà Y số tiền mua bán lúa là 213.900.000 đồng chưa trả, theo như nội dung yêu cầu của vợ chồng ông N, bà Y là đúng; bà B đồng ý trả số tiền mua bán lúa còn thiếu và tiền lãi phát sinh cho vợ chồng ông N, bà Yn chứ không có ý kiến gì; tuy nhiên do điều kiện làm ăn kinh doanh không thuận lợi nên bà B xin trả tiền còn thiếu theo phương thức trả dần hàng tháng. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đều đã công nhận có xác lập giao dịch mua bán nông sản (lúa) với nhau và đến nay bên mua là vợ chồng bà B còn thiếu lại bên bán là

vợ chồng ông N số tiền là 213.900.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh; bên bị đơn cũng đồng ý trả số tiền mua bán lúa còn thiếu cho bên nguyên đơn nhưng giữa hai bên chưa thống nhất được với nhau về phương thức thanh toán nên Hội đồng xét xử không ghi nhận phương thức thanh toán trong bản án mà chỉ cần căn cứ bắt buộc bên bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông N, bà Y tổng số tiền mua bán nông sản còn thiếu là **247.589.000 đồng (213.900.000 đồng tiền nợ gốc và 33.689.000 đồng tiền lãi)** là phù hợp với quy định tại các Điều 428, 431, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền nợ mua bán nông sản còn thiếu:

Tại phiên Tòa, ông N và bà Y yêu cầu vợ chồng bà B, ông B phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ mua bán nông sản còn thiếu. Trong khi đó, chỉ có bà B đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn thiếu chứ ông B chồng bà B không đồng ý thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả nợ. Bởi vì ông B cho rằng việc mua bán lúa là do bà B xác lập với vợ chồng ông N chứ ông B không tham gia, cũng không biết số tiền hiện nay còn thiếu lại bao nhiêu. Tuy nhiên, ông B lại thừa nhận trong quá trình bà B mua bán nông sản với vợ chồng ông N thì ông B có vài lần được bà B nhờ đi nhận lúa; bà B cũng xác nhận tại phiên Tòa chữ viết và chữ ký trong một số trang thuộc sổ theo dõi mua bán lúa mà vợ chồng ông N đã cung cấp là của ông B (bút lục 35, 48, 50). Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định ông B có tham gia và biết việc làm ăn, mua bán lúa giữa vợ chồng ông N với bà B. Mặt khác, bà B công nhận tại phiên Tòa lợi nhuận thu được từ việc mua bán lúa được sử dụng, chi phí vào việc đảm bảo các nhu cầu thiết yếu hàng ngày cho gia đình. Xét thấy hiện nay bà B và ông B là vợ chồng, vẫn đang chung sống với nhau; các chi phí cho sinh hoạt thiết yếu trong gia đình đều vợ chồng thực hiện. Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định “*Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình*” và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trong quá trình mua bán nông sản mà vợ chồng ông N, bà Y khởi kiện trong vụ án là nợ chung của vợ chồng bà B, ông B. Do đó cần buộc vợ chồng bà B, ông B phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông N, bà Y là phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N, bà Y được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng bà B, ông B phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông B sinh năm 1953, tại thời điểm xét xử đã 65 tuổi và bà B sinh năm 1954, tại thời điểm xét xử đã 64 tuổi; đều thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên được miễn nộp tiền phí dân sự sơ thẩm

theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông N, bà Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 428, 431, 438 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y. Buộc vợ chồng bà Ngô Thị B và ông Võ Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y số tiền mua bán nông sản còn thiếu là **247.589.000 đồng**, trong đó có 213.900.000 đồng tiền nợ gốc và 33.689.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bà Ngô Thị B, ông Võ Văn B.
- Hoàn lại cho ông Phan N, bà Nguyễn Thị Phi Y số tiền 5.972.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0013282, ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/10/2019. Bị đơn (ông Bán)

vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ